

Bản án số: **49/2023/HS-ST**

Ngày 16 - 01 - 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Quỳnh

Ông Lò Văn Hoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công Khvụ án hình sự thụ lý số: 52/2023/HSST, ngày 06 tháng 01 năm 2023; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-HS, ngày 06 tháng 01 năm 2023, đối với các bị cáo.

1. Họ và tên: **Lê Đôn T** (Tên gọi khác: Không) - Sinh năm 1984; Nơi sinh: Tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Tổ dân phố 03, phường T T, thành phố B, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Lao động tự D; Trình độ H vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới T: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đôn D, đã chế tvà bà Hoàng Thị T; Vợ: Lê Thị H, con có hai con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 26/10/2022 đến ngày 22/11/2022 được áp dụng biện pháp bảo lãnh Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến ngày xét xử (có mặt).

2. Họ và tên: **Trần Văn T** (Tên gọi khác: Không) - Sinh năm 1978; Nơi sinh: Tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: Tổ dân phố 03, phường T T, thành phố B, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ H vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới T: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị T; Vợ: Trần Thị M, có hai con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 26/10/2022 đến ngày 09/11/2022 được áp dụng biện pháp bảo lãnh Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến ngày xét xử (có mặt).

3. Họ và tên: **Phạm Văn Đ** (Tên gọi khác: Không) - Sinh năm 1987; Nơi sinh: Tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Tổ dân phố 04, phường T T, thành phố B, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Lao động tự D; Trình độ H vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới T: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm văn S và bà Trần Thị L; Vợ: Trương Thị B, con có ba con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ sinh 2019; Tiền án, tiền sự:

Không; Bị tạm giữ từ ngày 26/10/2022 đến ngày 30/11/2022 được áp dụng biện pháp bảo lãnh Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến ngày xét xử (có mặt).

4. Họ và tên: **Đỗ Văn Kh**(Tên gọi khác: Không) - Sinh năm 1971; Nơi sinh: Tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú:Tổ dân phố 03, phường T T, thành phố B, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Lao động tự D; Trình độ H vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới T: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn A và bà Nguyễn Thị G; Vợ: Nguyễn Thị , có ba con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 26/10/2022 đến ngày 20/11/2022 được áp dụng biện pháp bảo lãnh Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến ngày xét xử (có mặt).

5. Họ và tên: **Bùi Trọng Q**(Tên gọi khác: Không) - Sinh năm 1986; Nơi sinh: Tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn T Đ, xã T G, huyện K X, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự D; Trình độ H vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới T: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Công X và bà Trần Thị S; Vợ: Phạm Thị T, con có hai con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 26/10/2022 đến ngày 11/11/2022 được áp dụng biện pháp bảo lãnh Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến ngày xét xử (có mặt).

6. Họ và tên: **Bùi Thành L** (Tên gọi khác: Không) - Sinh năm 1976; Nơi sinh: Tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú:Tổ dân phố 04, phường T T, thành phố B, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Trình độ H vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới T: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Hữu B và bà Nguyễn Thị L; Vợ: Phạm Thị Tr, có hai con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 26/10/2022 đến ngày 29/11/2022 được áp dụng biện pháp bảo lãnh Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến ngày xét xử (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 10 phút, ngày 26/10/2022, Lê Đôn T, Phạm Văn Đâu, Đỗ Văn Khai, Trần Văn T đang ngồi uống nước trước cửa phòng 148, kho chứa hàng Công ty TNHH Huy Toan Điện Biên thuộc tổ 3, phường Tân Thanh thành phố Điện Biên Phủ cả nhóm thấy 01 B bài tú lơ khơ 52 quân là liền rủ nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức chơi liêng. T lấy chiếu ra trải ở nền trước cửa phòng 148 và cầm B tú lơ khơ rồi cả nhóm ngồi xuống đánh bạc. Cả 4 thống nhất hình thức chơi như sau: Tất cả những người chơi cùng chơi với nhau, sử dụng một B bài tú lơ khơ gồm 52 quân từ 2, 3, 4 đến Q, K, A (Gồm các chất rô, cơ, tép, B). Ván đầu tiên chia mỗi người ba quân bài rồi T điểm, nếu số điểm bài của ai cao nhất thì được cầm cái để chia bài chơi. Mỗi ván mỗi người chơi phải đặt vào 20.000 đồng để vào tẩy (Tiền gà). Tiếp đó người được cầm cái (là người thắng ván trước) chia cho mỗi người 3 quân bài, người chơi sẽ tiến hành tố theo chiều kim đồng hồ, người chơi đầu tiên là người thắng ván trước hoặc được chia bài, khi đến lượt người chơi sẽ có quyền úp bài, theo bài hoặc tố thêm, số tiền tối đa được tố thêm là 400.000 đồng. Người chơi có các lựa chọn sau: Úp bài (nghĩa là trong trường hợp bài của mình quá yếu, không có cơ hội thắng, thì người chơi có thể lựa chọn úp bài và sẽ mất đi số tiền vào tẩy ban đầu); Theo bài (nghĩa là

đặt số tiền cược bằng với người cửa trên đặt, nếu thua sẽ mất tiền vào tẩy và tiền vừa theo, ngược lại nếu thắng thì sẽ được cả hai); Tố (nghĩa là đặt số tiền cược cao hơn so với số tiền của người chơi cửa trên đặt, nếu không ai theo thì sẽ được hết số tiền tẩy và tiền những người khác theo trước đó). Cách T điểm bài từ cao xuống thấp cụ thể như sau: Cao nhất là Sáp (Nghĩa là có ba lá bài giống nhau, nếu người chơi đều có sáp thì T ai có sáp cao hơn sẽ thắng, thứ tự tăng dần từ 2 đến A); Tiếp đến là Liêng (Nghĩa là có ba lá bài liên tiếp nhau ví dụ như 4, 5, 6. Liêng nhỏ nhất là A, 2, 3 và Liêng cao nhất là Q, K, A; khi hai người cùng có Liêng thì ai Liêng cao hơn sẽ thắng, trong trường hợp Liêng giống nhau thì phân thắng thua bằng lá bài có chất cao nhất theo thứ tự từ lớn đến nhỏ là Rô, Cơ, Tép, B); Tiếp đến là Ảnh (Nghĩa là có ba lá bài đầu người J, Q, K, nếu cả hai người đều có Ảnh thì buộc phải so sánh chất cao nhất trong bài, trường hợp cùng chất thì trở về so sánh thứ tự quân bài J, Q, K); Cuối cùng là T điểm (nghĩa là nếu không có Sáp, Liêng, Ảnh thì lấy tổng số điểm của ba lá chia cho 10, số dư sau khi chia sẽ là điểm của người chơi, điểm của các lá bài số giữ nguyên còn 10, J, Q, K đều T là 0 điểm, nếu cùng điểm thì so sánh lá bài cao nhất, cùng chất thì so sánh lá).

T sử dụng 3.605.000 đồng để đánh bạc, T dùng 4.200.000 đồng để đánh bạc, Khùng 720.000 đồng để đánh bạc, Đùng 636.000 đồng để đánh bạc. T, T. Khai, Đchơi được khoảng 10 phút thì có Bùi Thành L, Bùi Trọng Qđen ngồi chơi cùng, L dùng 550.000 đồng để đánh bạc, Qdùng 972.000 đồng để đánh bạc. Đến 16 giờ 40 phút khi cả 06 người đang ngồi đánh bạc với nhau thì bị tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an thành phố Điện Biên Phủ phát hiện, bắt quả tang, các đối tượng bỏ chạy thì bị khống chế, thu giữ: trên chiếu bạc 1.255.000 đồng, 01 B bài tú lơ khơ 52 quân, 3.500.000 đồng trong túi quần sau đang mặc trên người Lê Đôn T, 722.000 đồng trong 01 ví da để trong túi quần đang mặc trên người Bùi Trọng Quyết, 190.000 đồng trong túi quần bên trái đang mặc trên người Đỗ Văn Khai, 700.000 đồng trong túi quần bên phải đang mặc trên người Bùi Thành L, 506.000 đồng trong túi quần bên phải đang mặc trên người Phạm Văn Đậu, 3.810.000 đồng trong 01 ví da để trong túi quần đang mặc trên người Trần Văn T. T, T, Khai, Đậu, Quyết, L Khnhận số tiền thu trên chiếu cùng số tiền thu trên người các đối tượng dùng để đánh bạc. Tổ công tác mời người chứng kiến và cùng đưa các đối tượng về trụ sở Công an thành phố Điện Biên Phủ tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tiền, các đồ vật có liên quan.

Vật chứng thu giữ gồm: 10.683.000 đồng tiền thu của các bị cáo sử dụng vào đánh bạc trong đó 1.255.000 đồng thu trên chiếu bạc, 9.248.000 đồng thu trên người các bị cáo; 01 B tú lơ khơ 52 quân bài là công cụ phạm tội.

Tại bản cáo trạng số: 04/CT-VKSTPĐBP ngày 06/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã truy tố các bị cáo Lê Đôn T, Trần Văn T, Phạm Văn Đậu, Đỗ Văn Khai, Bùi Trọng Quyết, Bùi Thành L về tội: Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội Đánh bạc. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 36, Điều 17, Điều

58B luật hình sự xử phạt bị cáo **Lê Đôn T** từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc, bị cáo được trừ đi 28 ngày tạm giữ, tạm giam quy đổi bằng 84 ngày cải tạo không giam giữ, G bị cáo cho UBND phường Tân Thanh giám sát, giáo dục và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp giám sát, giáo dục đối với bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo D bị cáo có thu nhập công việc không ổn định.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 36, Điều 17, Điều 58B luật hình sự xử phạt bị cáo **Trần Văn T** từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc, bị cáo được trừ đi 15 ngày tạm giữ, tạm giam quy đổi bằng 45 ngày cải tạo không giam giữ, G bị cáo cho UBND phường Tân Thanh giám sát, giáo dục và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp giám sát, giáo dục đối với bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo D bị cáo có thu nhập công việc không ổn định.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 36, Điều 17, Điều 58B luật hình sự xử phạt bị cáo **Phạm Văn Đ** từ 11 tháng đến 13 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc, bị cáo được trừ đi 36 ngày tạm giữ, tạm giam quy đổi bằng 108 ngày cải tạo không giam giữ, G bị cáo cho UBND phường Thanh Trường giám sát, giáo dục và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp giám sát, giáo dục đối với bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo D bị cáo có thu nhập công việc không ổn định.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 36, Điều 17, Điều 58B luật hình sự xử phạt bị cáo **Đỗ Văn K** từ 11 tháng đến 13 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc, bị cáo được trừ đi 26 ngày tạm giữ, tạm giam quy đổi bằng 78 ngày cải tạo không giam giữ, G bị cáo cho UBND phường Tân Thanh giám sát, giáo dục và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp giám sát, giáo dục đối với bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo D bị cáo có thu nhập công việc không ổn định.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 36, Điều 17, Điều 58B luật hình sự xử phạt bị cáo **Bùi Trọng Q** từ 11 tháng đến 13 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc, bị cáo được trừ đi 17 ngày tạm giữ, tạm giam quy đổi bằng 51 ngày cải tạo không giam giữ, G bị cáo cho xã Trà Giang, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp giám sát, giáo dục đối với bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo D bị cáo có thu nhập công việc không ổn định.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 36, Điều 17, Điều 58B luật hình sự xử phạt bị cáo **Bùi Thành L** từ 10 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc, bị cáo được trừ đi 35 ngày tạm giữ, tạm giam quy đổi bằng 105 ngày cải tạo không giam giữ, G bị cáo cho UBND phường Tân Thanh giám sát, giáo dục và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp giám sát, giáo dục đối với bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo D bị cáo có thu nhập công việc không ổn định.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điểm a, bKhoản 1 Điều 47 B luật hình sự, Khoản 2, Điểm a Khoản 3 Điều 106 B luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 10.683.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; Tịch thu tiêu hủy 01 B tú lơ khơ 52 lá không còn giá trị sử dụng;

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 B luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Q326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến tranh L gì về phần L tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã Khnhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, bản từ khai, biên bản khám xét; Kết L giám định, Kết L điều tra, các bản cung, biên bản ghi lời khai, có trong hồ sơ vụ án cũng như cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo, có đủ cơ sở khẳng định: Vào chiều ngày 26/10/2022, tại tổ dân phố 03, phường T T, thành phố B, tỉnh Đ Lê Đôn T, Bùi Trọng Quyết, Bùi Thành L, Trần Văn T, Phạm Văn Đậu, Đỗ Văn Khcó hành visát phạt nhau được thua bằng tiền thông qua hình thức chơi liêng với tổng số tiền bị thu giữ là 10.683.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321/BLHS.

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[2]. Về T chất nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

Về T chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ.

Trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo cùng thực hiện tội phạm, nhưng trước và trong khi phạm tội không có sự bàn bạc, phân công vai trò, trách nhiệm cụ thể cho từng người, nên không có tổ chức nên các bị cáo có vai trò như nhau, đều là đồng phạm giản đơn.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52/BLHS.

Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo:

Các bị cáo Lê Đôn T, Bùi Trọng Quyết, Trần Văn T, Phạm Văn Đậu, Đỗ Văn Khphạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn Khbáo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51/BLHS.

Bị cáo Bùi Thành Lphạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn Khbáo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có bố được nhà nước tặng thưởng huy chương nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS.

Về nhân thân: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo có nhân thân tốt.

Hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ, tương xứng với T chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo nên hội đồng xét xử chấp nhận. Xét thấy các bị cáo phạm tội lần đầu, là lao động chính trong gia đình, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội. Chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại 3 Điều 321/BLHS. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Về việc khấu trừ thu nhập: Theo quy định tại khoản 3 Điều 36/BLHS. Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hằng tháng...

Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời Khcủa các bị cáo tại phiên tòa thể hiện thu nhập từ công việc kinh Doanh nhỏ lẻ, nghề nghiệp của các bị cáo có thu nhập thấp và không thường xuyên, hiện các bị cáo không có tài sản gì có giá trị.

D đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo vì các bị cáo không có khả năng thi hành.

[3]. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách Nhà Nước 10.683.000 đồng tiền D các bị cáo sử dụng vào đánh bạc; tịch thu tiêu hủy 01 B tú lơ khơ 52 quân bài là công cụ phạm tội của các bị cáo theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47 B luật hình sự và điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 B luật tố tụng hình sự

[4]. Các vấn đề khác: Đối với bà L Thị Toan D không biết các bị cáo sử dụng nhà kho D mình quản lý để phạm tội nên không xem xét xử lý.

[5]. Về các hành vi, Qđịnh tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của B luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Qđịnh của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. D đó, các hành vi, Qđịnh tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 B luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Q326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QĐINH:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36, Điều 17, Điều 58 B luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 331; 333 B luật Tố tụng hình sự đối với các bị cáo Lê Đôn T, Bùi Trọng Quyết, Trần Văn T, Phạm Văn Đậu, Đỗ Văn Khai;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36, Điều 17, Điều 58 B luật hình sự; Điều 331; 333 B luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Bùi Thành L;

Áp dụng Điểm a, b Khoản 1 Điều 47 B luật hình sự, Khoản 2, Điểm a Khoản 3 Điều 106 B luật tố tụng hình sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 136 B luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Q326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. T bố bị cáo **Lê Đôn T** phạm tội "Đánh bạc". Xử phạt bị cáo: **12 (Mười hai)** tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giữ (từ ngày 26/10/2022 đến ngày 22/11/2022 là 28 ngày tạm giữ = 84 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành 09 (chín) tháng 06 (sáu) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ T từ ngày cơ quan, tổ chức được G giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Qđịnh thi hành án và bản sao bản án.

Thời hạn chấp hành hình phạt T từ ngày cơ quan, tổ chức được G giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Qđịnh thi hành án và bản sao bản án.

G bị cáo Lê Đôn T cho Ủy ban nhân dân phường Tân Thanh thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

2. T bố bị cáo **Trần Văn T** phạm tội "Đánh bạc". Xử phạt bị cáo: **12 (Mười hai)** tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giữ (từ ngày 26/10/2022 đến ngày 09/11/2022 là 15 ngày tạm giữ = 45 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành 10 (mười) tháng 15 (mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ T từ ngày cơ quan, tổ chức được G giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Qđịnh thi hành án và bản sao bản án.

Thời hạn chấp hành hình phạt T từ ngày cơ quan, tổ chức được G giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Qđịnh thi hành án và bản sao bản án.

G bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân phường Tân Thanh thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

3. T bố bị cáo **Phạm Văn Đ** phạm tội "Đánh bạc". Xử phạt bị cáo: **11 (Mười một)** tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giữ (từ ngày 26/10/2022 đến ngày 30/11/2022 là 36 ngày tạm giữ = 108 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành 07 (bảy) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ T từ ngày cơ quan, tổ chức được G giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Qđịnh thi hành án và bản sao bản án.

Thời hạn chấp hành hình phạt T từ ngày cơ quan, tổ chức được G giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Qđịnh thi hành án và bản sao bản án.

G bị cáo Phạm Văn Đ cho Ủy ban nhân dân phường T T, thành phố B, tỉnh Đ giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

4. T bố bị cáo **Đỗ Văn Kh** phạm tội "Đánh bạc". Xử phạt bị cáo: **11 (Mười một)** tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giữ (từ ngày 26/10/2022 đến ngày 20/11/2022 là 26 ngày tạm giữ = 78 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ T từ ngày cơ quan, tổ chức được G giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Qđịnh thi hành án và bản sao bản án.

Thời hạn chấp hành hình phạt T từ ngày cơ quan, tổ chức được G giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Qđịnh thi hành án và bản sao bản án.

G bị cáo Đỗ Văn Kha cho Ủy ban nhân dân phường Tân Thanh thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

5. T bố bị cáo **Bùi Trọng Q** phạm tội "Đánh bạc". Xử phạt bị cáo: **11 (Mười một)** tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giữ (từ ngày 26/10/2022 đến ngày 11/11/2022 là 17 ngày tạm giữ = 51 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành 09 (chín) tháng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ T từ ngày cơ quan, tổ chức được G giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Qđịnh thi hành án và bản sao bản án.

Thời hạn chấp hành hình phạt T từ ngày cơ quan, tổ chức được G giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Qđịnh thi hành án và bản sao bản án.

G bị cáo Bùi Trọng Quyết cho Ủy ban nhân dân xã Trà Giang, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính

quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

6. T bị cáo **Bùi Thành L** phạm tội "Đánh bạc". Xử phạt bị cáo: **10 (Mười)** tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giữ (từ ngày 26/10/2022 đến ngày 22/11/2022 là 35 ngày tạm giữ = 105 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành 06 (Sáu) tháng 15 (mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ T từ ngày cơ quan, tổ chức được G giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Qđịnh thi hành án và bản sao bản án.

Thời hạn chấp hành hình phạt T từ ngày cơ quan, tổ chức được G giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Qđịnh thi hành án và bản sao bản án.

G bị cáo Bùi Thành L cho Ủy ban nhân dân phường Tân Thanh thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

7. Hủy bỏ biện pháp bảo lãnh đối với các bị cáo Lê Đôn T, Bùi Trọng Quyết, Trần Văn T, Phạm Văn Đâu, Đỗ Văn Khai, Bùi Thành L

8. Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ D các bị cáo có thu nhập thấp, không ổn định.

9. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà Nước 10.683.000 đồng tiền D các bị cáo sử dụng vào đánh bạc;

- Tịch thu tiêu hủy 01 B tú lơ khơ 52 quân bài.

(Vật chứng đã được Công an thành phố Điện Biên Phủ bàn G sang Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ theo Biên bản G nhận vật chứng ngày 10/01/2023);

10. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Đôn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Phạm Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Đỗ Văn K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Bùi Trọng Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Bùi Thành L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

11. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án (16/01/2023).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSNDTPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TP ĐBP
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐB;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- HS THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thương Huyền

THÀNH VIỆN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thương Huyền

THÀNH VIỆN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thương Huyền

